

Bản án số: 152/2024/KDTM-ST.

Ngày : 27/ 9/ 2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê  
tài chính*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – TP. HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trí.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1./ Ông Nguyễn Văn Quân

2./ Ông Nguyễn Văn Tiên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 :* Bà Lê Thị Huyền Trang –  
Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thống - Cán bộ  
Tòa án nhân dân Quận 12 – Tp ..

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2024 , tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành  
phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số  
170/2023/TLST-KDTM ngày 28/12/2023 về việc “ Tranh chấp hợp đồng cho thuê  
tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1290/2024/QĐST-DS ngày 15  
tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1552/2024/QĐST-DS ngày 06  
tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C

Địa chỉ trụ sở: Tầng B, Cao ốc S, C T, phường B, Quận A, Thành Phố Hồ Chí  
Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Hà Nhật M ( Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Công ty TNHH T2

Địa chỉ: A, đường T, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Minh H ( Vắng mặt);

Địa chỉ: B B, Phường A, quận B, Tp.HCM.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1./ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991 ( Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố H, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nơi cư trú hiện nay: 11 Đường số I, phường T, thành phố T, Tp ..

2./ Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1989 ( Vắng mặt);

Địa chỉ: 51/16/5 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN :

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty C (Sau đây gọi tắt là Công ty C) trình bày :*

Do Công ty TNHH T2 có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B220315601 ký ngày 10/03/2022; số B221006601 ký ngày 14/10/2022; số B221024201 ký ngày 19/10/2022 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công Ty TNHH T2 có nhu cầu thuê tài chính là

| Hợp đồng thuê | Tên tài sản                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| B220315601    | Sơ mi rơ mooc tải (chở Container), Hiệu: Doosung<br><ul style="list-style-type: none"><li>- Biển số: 50R-043.39</li><li>- Biển số: 50R-043.86</li><li>- Biển số: 50R-044.34</li><li>- Biển số: 50R-043.21</li><li>- Biển số: 50R-044.69</li></ul> | 05       |
| B221006601    | Sơ mi rơ mooc tải (chở Container), Hiệu: KTC<br><ul style="list-style-type: none"><li>- Biển số: 50R-047.88</li><li>- Biển số: 50R-047.48</li><li>- Biển số: 50R-048.91</li><li>- Biển số: 50R-047.75</li><li>- Biển số: 50R-047.13</li></ul>     | 05       |
| B221024201    | Sơ mi rơ mooc tải (chở Container), Hiệu: KTC<br><ul style="list-style-type: none"><li>- Biển số: 50R-047.22</li><li>- Biển số: 50R-047.44</li><li>- Biển số: 50R-047.72</li></ul>                                                                 | 04       |

|  |                       |  |
|--|-----------------------|--|
|  | - Biên số: 50R-048.35 |  |
|--|-----------------------|--|

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong các Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Quốc D vào ngày 10/03/2022; 14/10/2022 và ngày 19/10/2022. Theo đó, trường hợp Công Ty TNHH T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quốc D cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công Ty TNHH T2.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số B220315601, ngày 22/03/2022, Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán số B220315601-PC với Công Ty Cổ phần H1 để mua Tài sản thuê nêu trên và cho Công Ty TNHH T2 thuê lại tài sản này. Ngày 24/03/2022, Công Ty TNHH T2 đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để xác nhận về việc đã nhận bàn giao tài sản.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số B221006601, ngày 14/10/2022, Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán số B221006601-PC với Công ty Cổ Phần T3 để mua Tài sản thuê nêu trên và cho Công Ty TNHH T2 thuê lại tài sản này. Ngày 17/10/2022, Công Ty TNHH T2 đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để xác nhận về việc đã nhận bàn giao tài sản.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số B221024201, ngày 01/11/2022, Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán số B221024201-PC với Công ty Cổ Phần T3 để mua Tài sản thuê nêu trên và cho Công Ty TNHH T2 thuê lại tài sản này. Ngày 02/11/2022, Công Ty TNHH T2 đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để xác nhận về việc đã nhận bàn giao tài sản.

Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê số B220315601 là 42 tháng, kể từ ngày 24/03/2022 đến ngày 25/09/2025.

Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê hợp đồng số B221006601 là 48 tháng, kể từ ngày 17/10/2022 đến ngày 10/10/2026.

Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê hợp đồng số B221024201 là 48 tháng, kể từ ngày 02/11/2022 đến ngày 15/11/2026.

Chi tiết lãi theo từng Hợp đồng cho thuê tài chính như sau:

Hợp đồng số B220315601 có biên độ là 5,38%/năm. Theo đó, mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là 11,2%/năm.

Hợp đồng số B221006601 có biên độ là 5,68%/năm. Theo đó, mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là 11,73%/năm.

Hợp đồng số B221024201 có biên độ là 5,68%/năm. Theo đó, mức lãi suất

tại ngày bắt đầu thuê là 12,68%/năm.

Hằng tháng, Công Ty TNHH T2 phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công Ty TNHH T2 trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công Ty TNHH T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công Ty TNHH T2 bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công Ty TNHH T2 thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công Ty TNHH T2 để yêu cầu thanh toán.

Do Công Ty TNHH T2 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 02/11/2023, Công ty C1 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 12:

Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH T2 thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 2.497.955.819 đồng và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 28/9/2024 theo quy định tại Hợp đồng thuê.

Trường hợp công ty TNHH T2 không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quốc D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

*\* Bị đơn Công ty TNHH T2 (Đại diện ủy quyền ông Lê Minh H) trình bày:*  
Phía Công ty TNHH T2 thống nhất với phần ý kiến trình bày của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C về việc ký các hợp đồng thuê và số tiền gốc, lãi còn nợ Công ty C.

Do kinh tế khó khăn nên Công ty TNHH T2 chậm thanh toán cho Công ty C. Công ty TNHH T2 sẽ thỏa thuận bàn giao tài sản cho thuê lại cho phía Công ty C và sẽ cố gắng có phương án trả nợ cho Công ty C.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*  
Bà thống nhất với phần ý kiến trình bày của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C về việc ký các hợp đồng thuê và số tiền gốc, lãi còn nợ Công ty C.

Do kinh tế khó khăn nên Công ty TNHH T2 chậm thanh toán cho Công ty C. Công ty TNHH T2 sẽ thỏa thuận bàn giao tài sản cho thuê lại cho phía Công ty C và sẽ cố gắng có phương án trả nợ cho Công ty C.

Trường hợp công ty TNHH T2 không thanh toán đầy đủ số tiền cho Công ty C thì bà Nguyễn Thị Thanh T sẽ có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời hạn giải quyết vụ án còn chưa đảm bảo, cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết nên đây là “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”. Công ty TNHH T2 có địa chỉ trụ sở tại số A, đường T, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh nên theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. *Về thủ tục tố tụng :*

Bị đơn Công ty TNHH T2 có đại diện là ông Lê Minh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

[3]. *Về nội dung hợp đồng:*

- Xét yêu cầu trả tiền thuê theo hợp các Hợp đồng cho thuê tài chính:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Khoản 2 Điều 92 BLTTDS

quy định một bên không phản đối tình tiết bên kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo hòa giải, không gửi văn bản phản đối và đã thừa nhận những tình tiết bên nguyên đơn đưa ra. Như vậy bên nguyên đơn không phải chứng minh những tình tiết nguyên đơn đưa ra là chứng cứ. Từ đó có cơ sở xác định, Công ty C và Công ty TNHH T2 có ký kết các hợp đồng cho thuê tài chính, cụ thể như sau:

Hợp đồng thuê số B220315601 ký ngày 10/03/2022, thời hạn thuê của là 42 tháng, kể từ ngày 24/03/2022 đến ngày 25/09/2025, có biên độ lãi là 5,38%/năm. Theo đó, mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là 11,2%/năm.

Hợp đồng thuê số B221006601 ký ngày 14/10/2022, thời hạn thuê là 48 tháng, kể từ ngày 17/10/2022 đến ngày 10/10/2026, có biên độ lãi là 5,68%/năm. Theo đó, mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là 11,73%/năm.

Hợp đồng thuê số B221024201 ký ngày 19/10/2022, thời hạn thuê là 48 tháng, kể từ ngày 02/11/2022 đến ngày 15/11/2026, có biên độ lãi là 5,68%/năm. Theo đó, mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là 12,68%/năm.

Xét yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B220315601 ký ngày 10/03/2022; số B221006601 ký ngày 14/10/2022; số B221024201 ký ngày 19/10/2022 giữa Công ty C và Công ty TNHH T2, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa hai bên Công ty C và Công ty TNHH T2 đã có ký kết hợp đồng cho thuê tài chính. Đây là hợp đồng dân sự được hai bên giao kết một cách tự nguyện, hình thức và các nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng cho thuê tài chính phù hợp với quy định tại Khoản 4, Điều 4, Điều 112, Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 3, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động tài chính của Công ty C và Công ty cho thuê tài chính; Khoản 18, Khoản 19 Điều 3, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi nhận các tài sản thuê thì Công ty TNHH T2 đã thực hiện không đúng hợp đồng, thanh toán tiền thuê không đúng thời hạn theo thoả thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 27/9/2024, Công Ty TNHH T2 còn nợ Công ty C số tiền thuê là 2.497.955.819 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm mười chín đồng).

Theo quy định tại Điều 91 Luật Các Tổ Chức Tín Dụng năm 2010, hai bên có quyền thoả thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật, nên những thoả thuận giữa Công Ty TNHH T2 và Công ty C về lãi suất là phù hợp pháp luật do đó chấp nhận.

Bị đơn Công ty TNHH T2 không thanh toán tiền gốc và lãi theo đúng Hợp đồng cho thuê tài chính số B220315601 ký ngày 10/03/2022; số B221006601 ký

ngày 14/10/2022; số B221024201 ký ngày 19/10/2022 và cũng đã thừa nhận số nợ và lãi như yêu cầu của phía nguyên đơn nên phải có trách nhiệm trả cho Công ty C tổng cộng số nợ tính đến ngày 27/9/2024 là 2.497.955.819 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm mười chín đồng).

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm:

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Công ty C có yêu cầu nêu công ty TNHH T2 không thanh toán đầy đủ số tiền buộc công ty TNHH T2 giao trả tài sản thuê theo các Hợp đồng cho thuê tài chính số B220315601 ký ngày 10/03/2022; số B221006601 ký ngày 14/10/2022; số B221024201 ký ngày 19/10/2022. Tuy nhiên đến ngày 26/6/2024 Công ty C có Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện rút lại yêu cầu này, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Tại các Thư bảo lãnh cá nhân ghi ngày 10/3/2022, 14/10/2022, 19/10/2022 của bà Nguyễn Thị Thanh T; Thư bảo lãnh cá nhân ghi ngày 10/3/2022 của ông Nguyễn Quốc D thì bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quốc D đã đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty TNHH T2 với Công ty C theo các hợp đồng cho thuê tài chính số B220315601 ngày 10/03/2022; số B221006601 ngày 14/10/2022; số B221024201 ngày 19/10/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bà Nguyễn Thị Thanh T có thừa nhận số nợ của Công ty TNHH T2. Bà cam kết trong trường hợp công ty TNHH T2 không thanh toán đầy đủ số tiền cho Công ty C thì bà T sẽ có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Xét việc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quốc D ký kết các thư bảo lãnh cá nhân trên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thư phù hợp với quy định tại các Điều 335, 338 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, trường hợp Công ty TNHH T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền theo các hợp đồng cho thuê tài chính nói trên cho Công ty C thì bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quốc D phải liên đới thanh toán thay theo quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự 2015.

*[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn phải chịu án phí là 81.959.116đ ( T1 mười một triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, một trăm mười sáu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

***Vì các lẽ trên;***

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 117, 119, 298, 299, 317, 318, 323, 335, 338, 342, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 112, Điều 113 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Điều 3, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động tài chính của Công ty C và Công ty cho thuê tài chính;
- Căn cứ Khoản 18, Khoản 19, Điều 3, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng - Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc công ty TNHH T2 phải thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 2.497.955.819 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm mười chín đồng), cụ thể:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B220315601 ký ngày 10/03/2022 với số nợ gốc là 529.017.866 đồng, nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 06/11/2023 là 118.077.992 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 06/11/2023 đến ngày 27/09/2024 là 42.027.137 đồng

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B221006601 ký ngày 14/10/2022 với số nợ gốc là 682.812.510 đồng, nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 06/11/2023 là 184.020.427 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 06/11/2023 đến ngày 27/09/2024 là 48.081.518 đồng

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B221024201 ký ngày 19/10/2022 với số nợ gốc là 629.442.660 đồng, nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 06/11/2023 là 217.101.039 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 06/11/2023 đến ngày 27/09/2024 là 47.374.670 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán tính trên nợ gốc với mức lãi suất thoả thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán đầy đủ khoản nợ trên cho Công ty C thì buộc những người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Quốc D có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung các thư bảo lãnh cá nhân đối với các hợp cho thuê tài chính đã ký thực hiện bảo lãnh cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

1.2. Đình chỉ yêu cầu Công ty C về việc buộc công ty TNHH T2 giao trả tài sản thuê theo các Hợp đồng cho thuê tài chính số B220315601 ký ngày 10/03/2022; Hợp đồng cho thuê tài chính số B221006601 ký ngày 14/10/2022; Hợp đồng cho thuê tài chính số B221024201 ký ngày 19/10/2022.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH T2 phải chịu án phí là 81.959.116đ ( T1 mười một triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, một trăm mười sáu đồng);

- Hoàn trả cho Công ty C số tiền 40.879.440đ ( Bốn mươi triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0031527 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát trực tiếp cấp trên là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 ;
- Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Trí**

